

UNIT 8: MY FRIENDS AND I

Lesson 1:

1. Từ vựng

.....: đói bụng: cảm thấy ngạc nhiên
.....: khát nước: cảm thấy mệt mỏi
.....: cảm thấy lo sợ: phản khích

2. Cấu trúc câu:

I: *tired* Mình cảm thấy mệt mỏi.

Alfie: *thirsty*. *He*: *hungry*. Alfie không khát nước. Anh ấy đói bụng

Lucy and Ben: *scared*. *They*: *excited*. Lucy và Ben không cảm thấy lo sợ. Họ cảm thấy phấn khích

3. Phát âm: Silent /t/:

I: *tired*.

We: *scared*.

Lesson 2:

1. Từ vựng:

.....:: hôm qua:: tuần trước
.....:: tối hôm qua:: cuối tuần trước
.....: thứ ba tuần trước:: tháng trước

2. Cấu trúc câu:

.....: *you at the park yesterday*? Hôm qua bạn ở công viên đúng không?

Yes, I: Đúng rồi.

.....: *Ben at the swimming pool last week*? Ben ở hồ bơi tuần trước đúng không?

No, he: Không, anh ấy không.

Lesson 3:

1. Từ vựng:

.....:: rạp chiếu phim

.....:: trung tâm mua sắm

.....:: sân chơi

.....:: siêu thị

.....:: bảo tàng

.....:: công viên giải trí

2. Cấu trúc câu:

Where: you last night? Tôi hôm qua bạn ở đâu?

I: at the movie theater. Minh ở rạp chiếu phim.

Where: Nick last Saturday? Thứ 7 tuần trước Nick ở đâu?

He at the mall. Anh ấy ở trung tâm mua sắm.

Where: Alfie and Mai yesterday? Hôm qua Alfie và Mai ở đâu?

They: at the park. Họ ở công viên

Lesson 4:

1. Từ vựng:

.....:: vui

.....:: mệt mỏi

.....:: phản khích

.....:: chán nản

.....:: thư giãn

2. Cấu trúc câu:

How: your weekend? Cuối tuần của bạn như thế nào?

Itrelaxing. I was at the beach with my mom and brother.

Nó thư giãn lắm. Mình đã ở bãi biển với mẹ và anh của mình.

B. Listening

Ex 1: Listen and number the pictures. There is one example.



Ex 2: Listen and choose the correct picture. There is one example.

Example:

How was John's weekend?



A.



B.



C.

Questions:

5. Where is the stadium?



A.



B.



C.

6. How did John get to the stadium from his house? – Go straight. Then, turn right at the traffic lights. It's on the right.



A.



B.



C.

A. B. C.

7. How did John go there?

A. B. C.

Ex 3: Listen and write. There is one example.

- Vy is from Vietnam.

- Her mom has long, (8) _____ hair and brown eyes.

- Her dad has (9) _____, black hair and black eyes.

- Her sister is (10) _____. She has big eyes and a small mouth.

D. Writing**Ex 1: Look and write. There is one example**

	0. What does your mother look like? She has <i>long curly hair</i> .
	1. How does Ricky help at home? He _____.
	2. How does Jane go to the library? She goes to the library _____.



3. Where were you last night?

We were _____

Ex 2: Look, read and write. There is one example.



My name is Jack. This is a picture of my (0) *f amily* . This is my father. He is tall and handsome. He has straight, brown hair. This is my mother. She is (1) *t*_____ and pretty. She has long, straight hair. This is my grandfather. He has a big nose and a big mouth. This is my grandmother. She has (2) *c*_____ , gray hair. This is my sister. She has small (3) *e*_____ and a small nose. She is nice and cute. This is me. I have (4) *s*_____ , black hair. I love my family so much!

Ex 3: Reorder the words to make a correct sentence. There is one example.

Example:

0. Keywords: *is/that?/What*

→ *What is that?*

Questions:

1. Keywords: *at/theater/Mia/the/was/movie/yesterday.*

→ _____

2. Keywords: *My/a/has/and/big/nose/brother/big/mouth/a*

→ _____

3. Keywords: *on/pool/left/the/The/swimming/is*

→ _____

UNIT 8 G4

4. Keywords: museum/uncle/My/works/a/at

→ _____

5. Keywords: Sunday?/Were/last/you/the/supermarket/at

→ _____

6. Keywords: does/Where/uncle/your/work?

→ _____

7. Keywords: John/hungry./and/were/his friends

→ _____.